

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2020

V/v: Ly hôn giữa chị D và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Qui.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hoàng Tập

2. Bà Nguyễn Thị Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 06 năm 2020, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Mỹ D, sinh năm 1996

Địa chỉ cư trú: đường A, xã L, huyện B, tỉnh L (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ cư trú: đường M, phường L, thành phố B, tỉnh L (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Mỹ D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mỹ D và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 15/01/2016 tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh L. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc, từ khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế, anh T thường xuyên chơi đá gà, không lo làm ăn, nhiều lần đánh đập chị khiến chị phải nhập viện. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, anh chị không thể hàn gắn với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hoàng D1, sinh ngày 17/10/2016, hiện tại cháu D1 đang sống cùng chị D, khi ly hôn chị nhận nuôi cháu D1, chị đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung, nợ riêng: Không có.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mỹ D và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 15/01/2016 tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh L. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có những mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân do bất đồng về cách làm ăn kinh tế, bà D không tin tưởng ông, vào khoảng cuối năm 2019 chị D đi học nghề may thì bắt đầu thay đổi tính cách, vợ chồng thỉnh thoảng có tranh cãi, dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt dần, sống không có hạnh phúc. Từ tháng 9/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, vì anh theo đạo thiên chúa, anh T đã tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả, nên anh bỏ mặc cho cuộc hôn nhân không thể khắc phục được.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hoàng D1, sinh ngày 17/10/2016, hiện tại cháu D1 đang sống cùng chị D, khi ly hôn anh T đồng ý giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị D không được cấm cản anh việc thăm con, sau này nếu cháu D1 có nguyện vọng ở với bố thì anh xin được nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung, nợ riêng: Không có.

Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ. Do chị D yêu cầu không hòa giải, anh T có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: yêu cầu của chị D được ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận; về con chung: Giao 01 con chung là Trần Hoàng D1, sinh ngày 17/10/2016 cho chị Bùi Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung, nợ riêng các đương sự khai không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Mỹ D và bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Bùi Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Trần Văn T hiện cư trú tại phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mỹ D và anh Trần Văn T kết hôn vào ngày 15/01/2016 tại UBND thị trấn L, huyện B tỉnh L; hôn nhân tự nguyện tiến bộ, không ai bị ép buộc. Vợ chồng chị D, anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về cách làm ăn kinh tế, theo chị D do anh T thường xuyên chơi đá gà, không lo làm ăn, nhiều lần đánh đập chị khiến chị phải nhập viện,

sau đó mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai; theo anh T vợ chồng mâu thuẫn do chị D không tin tưởng anh T, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, sống không có hạnh phúc nhưng anh T không đồng ý ly hôn vì anh theo đạo thiên chúa.

Xét thấy từ tháng 9 năm 2019 đến nay chị D và anh T không chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến nhau, cả hai đều xác định không còn tình cảm yêu thương nhau, tình trạng hôn nhân của chị D và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ và hợp pháp.

[4]. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hoàng D1, sinh ngày 17/10/2016, hiện tại cháu D1 đang sống cùng chị D, khi ly hôn anh T đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị D đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6]. Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự khai không có. Trong quá trình giải quyết không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[7]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51, 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Mỹ D và anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là Trần Hoàng D1, sinh ngày 17/10/2016 cho chị Bùi Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0018401 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- T.H.A Bảo Lộc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đón dấu) Trần Thị Qui**

- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *UBND thị trấn L, B;*
- *Lưu hồ sơ.*